TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2019/QĐST-DS	*L, ngày 09 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội D thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985.

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Giáp Thị D, sinh năm 1992.

Chị Giáp Thị T, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang

UBND xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn Truyền - Chủ tịch UBND xã C.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Xác định diện tích 40,9m2 đất tranh chấp tại Thôn C, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang là đường đi. Có các cạnh như sau: Cạnh 3-3(1) dài 3.50m; cạnh 3-4 dài 11.66m; cạnh 4-5 dài 3.52m; cạnh 5-3(1) dài 11.88m. Có giáp ranh: Phía Bắc giáp đất anh N, chị T; phía Nam giáp đất ông Trần Văn Duy; phía Đông giáp đường đi; phía Tây giáp đường bê tông.

- Anh N, chị T tự nguyện tháo rỡ phần tài sản nằm trên phần đất là đường đi trên, gồm: Nhà chăn nuôi, sân bê tông, tường gạch chỉ có tổng giá trị tài sản là 58.398.000 đồng.

Anh N phải thanh toán trả anh T số tiền là 4.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Án phí: Anh T chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 0003786 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Hoàn trả anh T 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TẠ THỊ THU T

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).